TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **10**/2024/QĐST-DS	*Thanh Trì, ngày 06 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 119/2023/TLST-DS ngày 07/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (VIB)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà S - 111 A Pasteur, Phường B, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C – GĐ THN TT và XLN – Trung Tâm QLN NHBL2 theo Giấy ủy quyền số: 107083.22 ngày 03/10/2022 của TGĐ Ngân hàng TMCP Q.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tuấn A, ông Hoàng Tuấn K, ông Nguyễn Văn P

Bị đơn: Ông Trương Ngọc H, sinh năm 1983

HKTT: Thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Trú tại: Phố N, phường L, quận H, Hà Nội

Bà Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1980

Trú tại: Tổ 14, phường V, quận H, Hà Nội

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP Q và ông Trương Ngọc H, bà Phạm Thị Huyền T xác nhận, tính đến ngày 29/01/2024, ông Trương Ngọc H, bà Phạm Thị Huyền T còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền theo theo Hợp đồng tín dụng số 5569706.22 ngày 26/04/2022, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5569706(1).22 ngày 26/4/2022 là: **119.864.883 đồng**, trong đó: nợ gốc: 92.174.416 đồng; nợ lãi quá hạn: 25.568.108 đồng; lãi phạt: 2.122.359 đồng.

2.2. Ngân hàng TMCP Q và ông Trương Ngọc H xác nhận, tính đến ngày 29/01/2024, ông Trương Ngọc H còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 18/4/2022 là: **76.971.602 đồng,** trong đó: nợ gốc: 39.553.167 đồng; nợ lãi: 13.407.966 đồng; phí: 24.010.469 đồng.

2.3. Ngày 31/3/2024, ông Trương Ngọc H, bà Phạm Thị Huyền T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 5569706.22 ngày 26/04/2022, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5569706(1).22 ngày 26/4/2022 là: **119.864.883 đồng**, trong đó: nợ gốc: 92.174.416 đồng; nợ lãi quá hạn: 25.568.108 đồng; lãi phạt: 2.122.359 đồng.

Kể từ ngày 30/01/2024, ông Trương Ngọc H, bà Phạm Thị Huyền T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 5569706.22 ngày 26/04/2022, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5569706(1).22 ngày 26/4/2022 và các văn bản tín dụng kèm theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

2.4. Ngày 31/3/2024, ông Trương Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 18/4/2022 là: **76.971.602 đồng,** trong đó: nợ gốc: 39.553.167 đồng; nợ lãi: 13.407.966 đồng; phí: 24.010.469 đồng.

Kể từ ngày 30/01/2024, ông Trương Ngọc H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 18/4/2022 cho đến thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

2.5. Trường hợp ông Trương Ngọc H, bà Phạm Thị Huyền T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo thỏa thuận trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án ngay để thu hồi nợ.

2.6. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc ông H tự nguyện 4.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng đã nộp theo biên lai số 6761 ngày 07/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Thanh Trì;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thắng